

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 473, Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước năm 2010;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 12 tháng 01 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 137/2022/TLST-KDTM ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V

Trụ sở: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A - Phó giám đốc trung tâm xử lý nợ pháp lý (Theo văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020);

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Thành L, ông Đặng Hồng L, ông Trần Minh T - Cán bộ xử lý nợ (Theo văn bản ủy quyền số 8886/2022/UQ-VPB ngày 09/12/2022);

Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân K, sinh năm 1979

Bà Định Thị L - sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện Đ, thành phố H

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1, Ông Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1983

2, Bà Lê Thị T, sinh năm 1954

3, Bà Tạ Thị P, sinh năm 1983

4, Cháu Nguyễn Xuân V, sinh ngày 24/10/2005 (con ông Q bà P)

5, Cháu Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 2008 (con ông Q bà P)

Cùng trú tại: Thôn V, xã V, huyện Đ, thành phố H

Ông Q, bà P là đại diện theo pháp luật của cháu V, cháu C

Đại diện theo ủy quyền của ông K, bà L, ông Q, bà P, bà T: Ông Đồng Xuân H -
sinh năm 1978; Địa chỉ: Xóm T, thôn Đ, xã N, huyện Đ, thành phố H;

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về số tiền vay nợ: Bị đơn nhất trí còn nợ nguyên đơn số nợ gốc lãi còn lại của 02 Hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày 12/01/2023 là: Nợ gốc 1.179.984.000đồng; nợ lãi: 341.933.309đồng; nợ lãi chậm trả 23.188.098 đồng; Tổng 1.545.105.407 và số nợ lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo lãi suất của các hợp đồng tín dụng tính từ ngày 13/01/2023 đến ngày bị đơn thực tế trả hết nợ cho nguyên đơn.

Về phương thức trả nợ: Bị đơn thanh toán số nợ trên cho nguyên đơn trong thời gian 04 tháng tính từ 01/2/2023 đến hết tháng 5/2023 theo lộ trình sau:

- Tháng 2, 3,4 mỗi tháng thanh toán 10.000.000đồng ưu tiên trừ vào nợ gốc, thanh toán ngày 25 hàng tháng.

- Tháng 5/2023 tất toán toàn bộ số nợ gốc lãi còn lại và số nợ lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo lãi suất của các hợp đồng tín dụng tính từ ngày 13/01/2023 đến ngày bị đơn thực tế trả hết nợ cho nguyên đơn.

Về tài sản bảo đảm: Trường hợp bị đơn không thực hiện đúng cam kết trả nợ theo biên bản hòa giải tại Tòa án và vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào thì bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhất trí nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên phát mãi tài sản thế chấp cho khoản vay là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: Thửa đất số 7., tờ bản đồ số 46, diện tích 326m² địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện Đ, thành phố H. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 702745 ngày 16/05/2016 mang tên Nguyễn Xuân Q. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 3751/2017 ngày 04/11/2017. Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ số công chứng 879/2018, Quyền số 01-2018 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 31/03/2018 tại Văn phòng công chứng K - Thành phố H;

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bị đơn đối với nguyên đơn. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bị đơn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho nguyên đơn;

Về án phí: Tổng số tiền án phí là: 58.354.000đồng (Năm mươi tám triệu ba trăm năm mươi tư nghìn đồng). Do các bên thỏa thuận được nên bị đơn chỉ phải chịu $\frac{1}{2}$ = 29.177.000 đồng (Hai mươi chín triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn đồng). Hoàn trả Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 31.729.000đ

(Ba mươi một triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0047054 ngày 07/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ;
- Tòa án nhân dân thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Võ Lương Vân